

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-ST

Ngày: 26 – 3 – 2021

V/v tranh chấp hợp đồng
trao đổi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Khon

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng trao đổi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đặng Văn N, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 381B, ấp Nh, xã An P, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Trần Văn X, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Nh, xã An P, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Đặng Văn N trình bày:

Vào khoảng giữa năm 2015, ông N và ông X có giao dịch với nhau cụ thể là ông N đầu tư thức ăn cho ông X chăn nuôi vịt đẻ. Khi vịt đẻ, ông X sẽ giao trứng vịt lại cho ông N bằng số trứng vịt giá tiền tương ứng với giá tiền thức ăn theo giá thị trường. Suốt quá trình nuôi vịt, ông X đã nhận đúng và đủ số lượng thức ăn do ông N giao, nhưng đến khoảng năm 2017 thì ông X không giao đúng đủ lượng trứng vịt như đã thỏa thuận cho ông N. Ông N muốn gắn kết mối quan hệ nên vẫn tiếp tục đầu tư thức ăn cho ông X từ năm 2017 đến năm 2019. Số tiền ông X nợ

ông N do không giao đủ trứng vịt vào khoảng năm 2017 đến tháng 4/2018 tương ứng tiền nợ hai bên thống nhất là 43.926.000đ, thỏa thuận trả lãi 1.040.000 đồng/tháng, nhưng đến năm 2019 ông X không thanh toán cho ông N khoản nợ vốn nào, có trả lãi tổng cộng 8.200.000đ tính từ tháng 4/2018 đến tháng 11/2018. Ông N không đồng ý với đề nghị hợp đồng thỏa thuận của ông X nên đòi lại số tiền 43.926.000đ, ông X nài nỉ xin được cho số tiền này để ông X tiếp tục nuôi vịt đẻ đến năm 2019 ông sẽ trả đủ. Ông X tái nuôi nhiều đàn vịt thu lợi nhuận cao nhưng không có thiện chí trả nợ. Ông N nhiều lần đòi lại tiền nợ và đến vụ lúa đông xuân năm 2020 (khoảng tháng 12) thì ông X chỉ trả được 9.000.000đ, còn nợ lại 34.926.000đ.

Theo nội dung đơn khởi kiện, ông N yêu cầu ông X có trách nhiệm trả cho ông N số tiền trao đổi tài sản còn nợ là 34.926.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 01/2018 đến tháng 9/2020 với mức 1%/tháng.

Tại phiên tòa, ông N yêu cầu ông X có trách nhiệm trả cho ông N số trứng vịt chưa giao tương ứng với số tiền trao đổi tài sản còn nợ là 34.926.000đ, không yêu cầu ông X trả lãi.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2021, ông Trần Văn X trình bày:

Vào khoảng năm 2017, giữa ông X và ông N có giao dịch đầu tư thức ăn chăn nuôi vịt đẻ. Khi thỏa thuận hai bên không có lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng. Ông N thực hiện đầu tư thức ăn với hình thức bằng số bao thức ăn nuôi vịt cho ông X, việc giao nhận bao thức ăn và trứng vịt giữa hai bên được thực hiện tại nhà ông X hoặc cánh đồng nơi nuôi vịt. Ông X không nhớ ông N đã giao cho ông X bao nhiêu bao thức ăn, nhưng từ năm 2017 đến nay, những lần hai bên giao nhận thức ăn và trứng vịt đến tháng 4 năm 2018 hai bên thỏa thuận tổng kết nợ, ông X còn nợ ông N số tiền tương ứng với số trứng vịt chưa giao là 43.926.000đ, không lập biên nhận, thỏa thuận trả lãi 1.040.000 đồng/tháng. Từ tháng 4/2018 đến tháng 11/2018, ông X đóng cho ông N số tiền lãi tổng cộng 8.000.000đ. Đến vụ lúa đông xuân năm 2020, ông X trả được cho ông N khoản nợ vốn là 9.000.000đ, nên còn nợ lại 34.926.000đ. Từ sau vụ lúa đông xuân năm 2020, ông X không còn trả cho ông N khoản tiền nợ vốn và lãi nào.

Theo yêu cầu khởi kiện của ông N, ông X đồng ý trả cho ông N số tiền trao đổi tài sản còn nợ là 34.926.000đ, không đồng ý trả lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 01/2018 đến tháng 9/2020 với mức 1%/tháng.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn ông N thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn ông X chưa

thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 4 Điều 455, Điều 456 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông X trả cho ông N số tiền trao đổi tài sản còn nợ là 34.926.000đ.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Biên bản lấy lời khai ông X ngày 22/01/2021.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Bị đơn ông X thừa nhận vào năm 2017, ông N và ông X có giao dịch đầu tư thức ăn chăn nuôi vịt đẻ. Từ khi hai bên trao đổi thức ăn và trứng vịt đẻ theo thỏa thuận đến tháng 4/2018, ông X còn nợ số trứng vịt chưa giao cho ông N tương ứng số tiền là 43.926.000đ, đã trả được 9.000.000đ, còn nợ 34.926.000đ đến nay chưa trả. Ông X đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án, đồng thời không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự trao đổi tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn X cư trú tại xã An P, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông X được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của ông Đặng Văn N về việc yêu cầu ông Trần Văn X có trách nhiệm trả cho ông N số trứng vịt chưa giao tương ứng với số tiền trao đổi tài sản còn nợ là 34.926.000đ, không yêu cầu ông X trả lãi.

Xét thấy, việc thỏa thuận giữa ông N và ông X là hoàn toàn tự nguyện. Ông N trình bày, vào khoảng giữa năm 2015 ông có đầu tư thức ăn cho ông X chăn nuôi vịt đẻ, số trứng vịt ông X giao lại cho ông N bằng số trứng vịt giá tiền tương ứng với giá tiền thức ăn theo giá thị trường, không xác định thời hạn thực hiện hợp đồng, hai bên xác lập giao dịch thông qua hình thức thỏa thuận miệng, đến khoảng năm 2017 thì ông X không giao đủ số lượng trứng vịt làm phát sinh nợ giữa hai bên, và đến tháng 4 năm 2018 hai bên thỏa thuận tổng kết nợ, ông X còn nợ ông N số tiền tương ứng với số trứng vịt chưa giao là 43.926.000đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2021, ông X xác định vào năm 2017, ông X có thỏa thuận trao

đổi trứng vịt đẻ với thức ăn chăn nuôi vịt của ông N, không xác định thời hạn trao đổi, ông X nhận bao thức ăn do ông N giao và đổi lại số trứng vịt đẻ cho ông N từ khi thỏa thuận đến tháng 4 năm 2018 thì ông X còn nợ ông N số trứng vịt chưa giao tương ứng với số tiền 43.926.000đ. Vào vụ lúa đông xuân năm 2020 thì ông X trả được cho ông N số tiền nợ vốn là 9.000.000đ, thừa nhận có trách nhiệm trả số tiền còn nợ 34.926.000đ. Mặt khác, ông X cho rằng từ vụ đông xuân năm 2020 cho đến nay, ông X không thanh toán được cho ông N khoản tiền nợ nào, nên ông X phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông N là có căn cứ pháp luật.

Về lãi suất, ông N và ông X thừa nhận khi thỏa thuận về số tiền còn nợ thì các bên có thỏa thuận trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 1.040.000 đồng/tháng (35,64%/năm), ông X thực hiện trả lãi cho ông N từ tháng 4/2018 đến tháng 11/2018, theo ông N tổng cộng số tiền lãi ông X đã trả là 8.200.000đ, theo ông X là 8.000.000đ. Đồng thời, việc tính lãi được điều chỉnh theo mức lãi suất 1,66%/tháng (20%/năm), cụ thể:

Tính lãi số tiền 43.926.000đ từ cuối tháng 4/2018 đến cuối tháng 11/2018:
 $43.926.000đ \times 1,66\% \times 7 \text{ tháng} = 5.104.201đ$

Khấu trừ tiền lãi vào tiền đã trả: $8.200.000đ - 5.104.201đ = 3.095.799đ$

Khấu trừ tiền trả thừa vào vốn: $43.926.000đ - 3.095.799đ = 40.830.201đ$

Tính lãi tiếp từ cuối tháng 11/2018 đến cuối tháng 12/2020: $40.830.201đ \times 1,66\% \times 13 \text{ tháng} = 8.811.157đ$

Khấu trừ tiền vốn đã trả: $40.830.201đ - 9.000.000đ = 31.830.201đ$

Tính lãi số tiền 31.830.201đ từ cuối tháng 12/2020 đến ngày 26/3/2021:
 $31.830.201đ \times 1,66\% \times 2 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 1.514.692đ$

Tổng cộng vốn và lãi còn phải trả tiếp là 42.156.000đ (lấy số tròn).

Tại phiên tòa, ông N không yêu cầu tính lãi, yêu cầu ông X có trách nhiệm trả số trứng vịt chưa giao tương ứng với số tiền trao đổi tài sản còn nợ là 34.926.000đ là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận, phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 455, Điều 456 của Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N nên ông X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117, khoản 4 Điều 455, Điều 456 của Bộ luật dân sự 2015.

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N.

Buộc ông Trần Văn X có trách nhiệm trả cho ông N số tiền trao đổi tài sản còn nợ là 34.926.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Buộc ông Trần Văn X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.746.000đ.

Trả cho ông Đặng Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 873.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006900 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh B;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Trần Xuân Nữ